

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN KHTN - LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng số câu, ý		Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN K Q	TL	
1	Mở đầu 7t	- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên; - Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN	1								1		2,5
		Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	1								1		2,5
2	Các phép đo 10t	Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	1								1		2,5
		Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	1								1		2,5
3	Chất và sự biến đổi của chất 21t	Các thể của chất	1								1		2,5
		Oxygen và không khí	1								1		2,5
		Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng...	2								2		5
		Dung dịch; Tách chất ra khỏi hỗn hợp	2								2		5
4	Tế bào - đơn vị cơ sở của sự sống 8t	- Khái niệm tế bào - Hình dạng và kích thước tế bào - Cấu tạo và chức năng tế bào - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào - Tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống	2			2					2	2	25
5	Từ tế bào đến cơ thể 7t	- Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào - Tổ chức cơ thể đa bào	4					1			4	1	20
6	Đa dạng thế giới sống 12t	- Phân loại thế giới sống - Virus và vi khuẩn				1		1		1		3	30

Tổng số câu TN/số ý TL	16		3	2	1	16	6	100
Tổng điểm	4		3	2	1	4	6	100
Tỉ lệ %	40%	30%	20%	10%		40	60	100
Tỉ lệ chung	70%		30%					100

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN KHTN - LỚP 6

TT	Chủ đề / nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi TN/ số ý TL theo mức độ nhận thức				Câu
			Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1. Mở đầu							
1.1	Giới thiệu về Khoa học tự nhiên Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	Nhận biết - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.	1(TN)				C1
1.2	Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...). - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.	1(TN)				C2

2. Các phép đo							
2.1	Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	Nhận biết - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian) - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.	1(TN)				C3
2.2	Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.	1(TN)				C4
3. Chất và sự biến đổi của chất							
3.1	Các thể (trạng thái) của chất	Nhận biết - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...) - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay	1(TN)				C5

		hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.					
3.2	Oxygen (oxi) và không khí	Nhận biết - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.	1 (TN)				C6
3.3	Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng	Nhận biết - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh, ...); + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng; + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...); + Một số lương thực - thực phẩm.	2(TN))				C7,8
3.4	Dung dịch; Tách chất ra khỏi hỗn hợp	Nhận biết - Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. - Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.	2(TN))				C9,10

		- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.					
4. Tế bào - đơn vị cơ sở của sự sống							
	- Khái niệm tế bào - Hình dạng và kích thước tế bào - Cấu tạo và chức năng tế bào - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào - Tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. Thông hiểu: - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).	2(TN))	2(TL)			C11,12, C17ab
5. Từ tế bào đến cơ thể							
	- Cơ thể đơn bào và cơ thể	Nhận biết - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình	4(TN))		1(TL)		C13,14, C15,16,

	đa bào - Tổ chức cơ thể đa bào	thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh họa. - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). Vận dụng: - Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.					C17c
6. Đa dạng thế giới sống							
	- Phân loại thế giới sống - Virus và vi khuẩn	Thông hiểu - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. Vận dụng - Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.		1(TL)	1(TL)	1(TL)	C18, 19 C20
		Thông hiểu - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). - Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. - Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. Vận dụng cao					

		- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.					
--	--	---	--	--	--	--	--

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài 60 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Một trong số các vai trò của khoa học tự nhiên là

- A. nâng cao nhận thức của con người về thế giới tự nhiên.
- B. nâng cao nhận thức của con người về lịch sử thế giới.
- C. nâng cao nhận thức của con người về văn hoá, xã hội.
- D. nâng cao nhận thức của con người về giới tính.

Câu 2. Kính lúp cầm tay có tác dụng khi quan sát các vật nhỏ :

- A. Nhìn vật xa hơn
- B. Làm ảnh của vật nhỏ hơn
- C. Phóng to ảnh của một vật
- D. Không thay đổi kích thước của ảnh

Câu 3. Dụng cụ nào dưới đây không dùng để đo chiều dài?

- A. Thước thẳng.
- B. Thước dây.
- C. Đồng hồ.
- D. Thước cuộn.

Câu 4. Nhiệt độ là số đo

- A. độ “nóng”, “lạnh” của vật.
- B. chiều dài của vật.
- C. khối lượng của vật.
- D. thể tích của vật.

Câu 5. Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

- A. thể rắn sang thể lỏng của chất.
- B. thể lỏng sang thể rắn của chất.
- C. thể lỏng sang thể khí của chất.
- D. thể khí sang thể lỏng của chất.

Câu 6. Ở điều kiện thường, oxygen là

- A. chất khí, không màu

- B. Chất lỏng, không màu
- C. Chất khí, màu vàng lục
- D. Chất lỏng, màu vàng lục

Câu 7. Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

- A. Lúa gạo.
- B. Ngô.
- C. Mía.
- D. Lúa mì.

Câu 8. Trường hợp nào sau đây không phải nhiên liệu

- A. Than B. Gas C. Xăng D. Nhựa

Câu 9. Trường hợp nào sau đây không phải là dung dịch?

- A Nước đường.
- B. Nước cất.
- C. Nước khoáng.
- D. Nước muối.

Câu 10. Hỗn hợp nào sau đây là huyền phù?

- A. Nước muối.
- B. Nước phù sa.
- C. Nước chè.
- D. Nước máy.

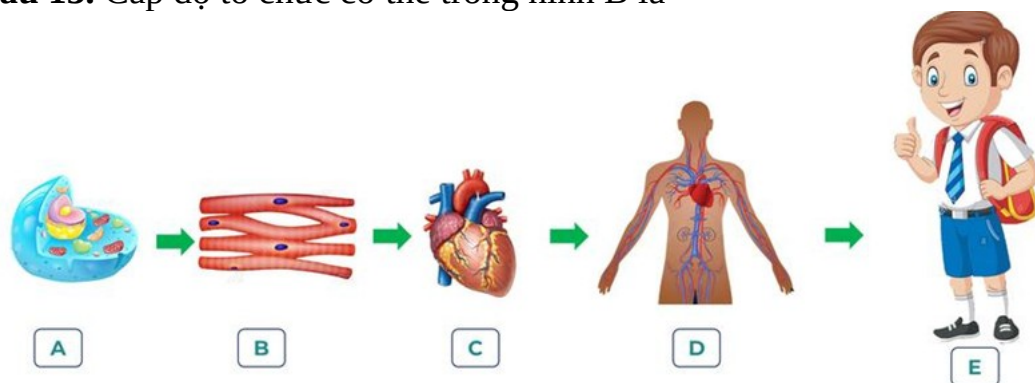
Câu 11. Tế bào là

- A. đơn vị cơ sở của sự sống.
- B. đơn vị cấu tạo của tất cả các vật thể.
- C. đơn vị cấu tạo của tất cả các nguyên liệu.
- D. đơn vị cơ bản của tất cả các vật liệu.

Câu 12. Trong các loại tế bào sau, tế bào nào có kích thước lớn nhất?

- A. Tế bào trứng cá.
- B. Tế bào gan cá.
- C. Tế bào cơ.
- D. Tế bào hồng cầu.

Câu 13. Cấp độ tổ chức cơ thể trong hình B là



A. Tế bào B. Mô C. Cơ quan D. Cơ thể

Câu 14. Phổi, cơ hoành, não bộ, xương sườn, sọ và tim là những ví dụ về cấp độ tổ chức nào trong cơ thể?

A. Mô B. Cơ quan C. Hệ cơ quan D. Tế bào

Câu 15. Ở cơ thể đa bào, một nhóm các cơ quan phối hợp hoạt động cùng thực hiện một quá trình sống tạo nên cấp tổ chức nào dưới đây:

A. Mô B. Hệ cơ quan C. Tế bào D. Cơ thể

Câu 16. Sinh vật nào sau đây có cơ thể đơn bào?

A. Vi khuẩn B. Con gà C. Con kiến D. Cây lúa

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17. (3,0 điểm): Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống. Em hãy:

a. Cho biết cấu tạo của một tế bào gồm những thành phần chính nào?

b. Trình bày chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào.

c. Vẽ cơ thể trùng roi và chú thích các thành phần của tế bào.

Câu 18 (1,0 điểm). Cho sơ đồ về vị trí của hoa li trong các đơn vị phân loại:

Thực vật → thực vật có hoa → thực vật 1 lá mầm → Hành → Bách hợp → Loa kèn → Hoa li.

Dựa vào sơ đồ, hãy cho biết trong các đơn vị phân loại trên, đơn vị nào lớn nhất, đơn vị nào nhỏ nhất?

Câu 19 (1,0 điểm). Xây dựng khoá lưỡng phân để phân loại các loài sinh vật sau: Châu chấu, chim sâu, ba ba, khỉ, cá trích.

Câu 20 (1,0 điểm). Tại sao khi làm sữa chua, sau khi rót hỗn hợp sữa, nước, sữa chua vào hộp phải đậy kín nắp và ủ ấm 10-12h?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài 60 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	C	A	A	A	C	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	B	A	A	B	B	B	A

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17. (3,0 điểm)

Hướng dẫn chấm	Điểm
a. Nêu được đúng các thành phần cấu tạo của tế bào: Màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào. - Chỉ nêu được thành phần 0,5đ - Nêu được 2 thành phần 0,75đ - Nêu đúng 3 thành phần 1đ	1,0đ
b. Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào. - Chỉ nêu được 1 loại 0,25đ - Nêu đúng 2 loại 0,5đ	1,0đ
c. Vẽ cơ thể trùng roi và chú thích các thành phần của tế bào. - Vẽ cơ thể trùng roi đủ 3 thành phần và roi 0,5đ - Vẽ cơ thể trùng roi, chú thích đúng 2 thành phần 0,75. - Vẽ cơ thể trùng roi, chú thích đúng 4 thành phần 1,0đ	0,5đ

Câu 18. (1,0 điểm)

Hướng dẫn chấm	Điểm
Đơn vị lớn nhất là thực vật. Đơn vị nhỏ nhất là hoa li	1,0đ

Câu 19. (1,0 điểm)

Hướng dẫn chấm	Điểm
Phân loại đúng	1,0đ

Câu 20. (1,0 điểm)

Hướng dẫn chấm	Điểm
Giải thích đúng	1,0đ